

Bản án số: 28/2020/HSST
Ngày: 16 - 6 - 2020

NHÂN DANH

**NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Ngọc L
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc S

2. Bà Đặng Thị Th

- Th- ký phiên toà: Ông Hoàng Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lại Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2020/HSST ngày 29/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Vũ Văn T- Sinh ngày 08/10/2001, tại huyện H2, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT: Thôn Y, xã H1, huyện H2, tỉnh Thanh Hoá; Chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã H1, huyện H2, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn U và bà Mai Thị H3; tiền án, tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 29/2020/HSST – LCDKNCT ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Bị hại: 1. Anh Trần Thanh V - Sinh năm 1982. Vắng mặt
Trú tại: Xóm T2, phường Đ, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

2. Anh Trần An K – Sinh năm 2000. Vắng mặt
Trú tại: Xóm T1, phường Đ, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Người làm chứng: 1. Anh Trần Vĩnh C – Sinh năm 2002. Vắng mặt
Trú tại: Xóm T2, phường Đ, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

2. Anh Vũ Văn Q – Sinh năm 1997. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T3, xã H1, huyện H2, tỉnh Thanh Hoá

3. Chị Vũ Thị C1 – Sinh năm 1979. Vắng mặt

Trú tại: Khu phố 4, phường L1, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Người chứng kiến: Anh Nguyễn Văn D - Sinh năm 1978. Vắng mặt

Trú tại: Khu phố 4, phường L1, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 21/12/2019, Trần An K, Trần Vĩnh C cùng với Lê Hoài N1 – Sinh năm 2001 trú tại thôn 1, xã H3, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa, Phạm Thị T3 – Sinh năm 2002 trú tại xã H4, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa và Nguyễn Như X – Sinh năm 1992 trú tại xóm T4, phường Đ, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngồi uống nước tại quán của chị Vũ Thị C1 – Sinh năm 1970 trú tại khu phố 4, phường L1, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Lúc này, Vũ Văn T cùng với Nguyễn Đức T3 – Sinh năm 1999, Đỗ Văn H5 – Sinh năm 1990, Đỗ Văn N – Sinh năm 2001, Nguyễn Văn M – Sinh năm 1991, Đỗ Minh T4 – Sinh năm 2003 cùng trú tại xã H1, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa, Vũ Thị T5 – Sinh năm 2003 trú tại thôn L3, phường Đ, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngồi uống nước bàn bên cạnh nhóm của K. Trong lúc uống nước, Lê Hoài N1 lấy điện thoại của mình đăng nhập Facebook, Nguyễn Đức T3 cho rằng N1 lén chụp ảnh mình nên sang kiểm tra điện thoại và cầm điện thoại của N1 về bàn của nhóm mình. Lê Hoài N1 nhờ Trần An K gặp T3 để xin lại điện thoại. Trong lúc nói chuyện, giữa K, Vũ Văn T và Nguyễn Đức T3 xảy ra mâu thuẫn. T và T3 cầm ghế nhựa đánh K, K bỏ chạy ra hướng ngã tư 5 tầng thì bị T, T3 và Đỗ Văn N đuổi theo dùng tay, chân đâm đá vào người K. Thấy vậy, Trần Vĩnh C vào can ngăn thì bị Nguyễn Đức T3 dùng tay đâm vào vùng mắt C, được mọi người can ngăn nên cả nhóm dừng lại.

Vũ Văn T vào quán nước của anh Nguyễn Văn D - Sinh năm 1978 trú tại khu phố 4, phường L2, thị xã Bỉm Sơn ngồi, còn Trần Vĩnh C gọi điện thoại cho anh trai là Trần Thanh V1 – Sinh năm 1982 trú tại xóm T2, phường Đ, thị xã Bỉm Sơn nói với V1: “Bọn nó đang đánh em, anh lên giúp em”. Trần Thanh V1 đi cùng Vũ Văn Q – Sinh năm 1997 trú tại xã H1, huyện H2 đến ngã tư 5 tầng, gặp C và K, V1 hỏi: “ai đánh mày”, K chỉ tay về hướng Vũ Văn T đang ngồi. V1 và C đi đến chỗ T, do lo sợ bị đánh nên T cầm ghế nhựa đứng dậy. Thấy vậy, Trần Thanh V1, Trần Vĩnh C lao vào dùng tay chân đâm đá vào người T và dùng ghế nhựa đánh vào đầu T. Trần An K cũng lao vào dùng tay chân đâm đá T. Bị đánh, Vũ Văn T vứt ghế nhựa, bỏ chạy thì bị cả ba anh em K, V1, C lừa theo, ôm, giằng co, đâm đá vào mặt, vào người, Vũ Văn T cố chống trả để thoát ra nhưng không được nên T lấy 01 con dao, loại dao găm dạng gấp, màu đen dài 25cm, bản rộng 2,5cm, sắc nhọn mang theo để trong túi áo khoác bên phải đang mặc đâm vào cẳng tay phải của Trần An K. K bị thương nên buông T ra và nói với Trần Thanh V1: “Nó có dao”. Trần Thanh V1 và Trần Vĩnh C tiếp tục ôm, giằng co, đâm đá T nên T tiếp tục dùng dao đâm vào hông và đùi trái của Trần Thanh V1 làm V1 bị thương. V1, K được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa. Trần Thanh V1 điều trị từ ngày 21/12/2019 đến ngày 30/12/2019 ra viện. Do vết thương nặng nên ngày 21/12/2019, Trần An K được chuyển đến Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức phẫu thuật. Ngày 23/12/2019,

sau khi phẫu thuật xong, anh Kh được chuyển đến Bệnh viện dã khoa ACA Bim Sơn tiếp tục điều trị và ra viện ngày 15/01/2020. Ngày 16/01/2020 Trần An Kh tiếp tục được chuyển đến khoa phục hồi chức năng của Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức làm thủ thuật nẹp bột sau đó về nhà tiếp tục điều trị ngoại trú.

Ngày 06/02/2020 Trần Thanh V1 và Trần An K đều có đơn đề nghị giám định thương tích và đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã gây thương tích cho V1, K. Trần Vĩnh C bị thương tích nhẹ, không phải điều trị nên không yêu cầu giám định.

Ngày 10/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bim Sơn đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 188 và 189/CSĐT để giám định tổn hại phần trăm sức khỏe cho Trần Thanh V1 và Trần An K.

Tại Bản kết luận pháp y về thương tích số 107/2020/TTPY ngày 26/02/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa ghi nhận Trần An K có các thương tích như sau:

- + 01(Một) vết thương rách da tại mặt sau cẳng tay phải(thương ứng vùng xương trụ) KT(10x1)cm, bờ vết sắc gọn, đã được khâu chỉ y tế(06 mũi);

- + 01(Một) vết thương rách da tại đuôi lông mày phải, KT(1x0,5)cm, bờ vết nham nhở.

Tại thời điểm giám định pháp về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trần An K được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể(Điều 4 – Thông tư số 20/2014/TT/BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế) là 33%(Ba mươi ba phần trăm).

Tại Bản kết luận pháp y về thương tích số 101/2020/TTPY ngày 26/02/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa ghi nhận Trần Thanh V1 có các thương tích như sau:

- + 01(Một) vết thương vùng thắt lưng bên trái KT(3x1)cm, bờ vết sắc gọn, đã được khâu chỉ y tế(06 mũi);

- + 01(Một) vết thương rách da tại đuôi lông mày phải, KT(1x0,5)cm, bờ vết nham nhở.

Tại thời điểm giám định pháp về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Trần Thanh V1 được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể(Điều 4 – Thông tư số 20/2014/TT/BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế) là 32%(Ba mươi hai phần trăm).

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 19/02/2020 Vũ Văn T đã đến gia đình anh Trần An K, anh Trần Thanh V1 thăm hỏi và xin lỗi, đồng thời bị cáo đã thỏa thuận bồi thường chi phí thuốc men điều trị và các chi phí khác cho anh K, anh V1 với tổng số tiền 50.000.000đồng; anh K, anh V1 đã nhận tiền, không yêu cầu bồi thường gì thêm và đều có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Tuấn. Đối với anh Trần Vĩnh Cửu bị thương tích nhẹ, không đi điều trị nên không yêu cầu bị cáo Tuấn phải bồi thường.

Trong vụ án này, khi giằng co, xô sát với anh K, anh V1 và anh C, bị cáo Tuấn bị anh K, anh V1, anh C dùng tay chân đâm đá, dùng ghế nhựa đập vào đầu gây thương tích gồm: 01(Một) vết thương rách da tại đỉnh đầu, kích thước(3,5x0,05)cm, bờ vết nham nhở, hình chữ V; 01(Một) vết thương tại vùng sau cằm trái cách đầu tay trái 10cm, kích thước(2x0,05)cm, bờ vết nham nhở; 01(Một) vết thương thâm bầm tại trán phải cách đuôi lông mày phải 01cm, kích thước(4x1,5)cm, vết không rõ hình, không liên tục.

Ngày 12/02/2020 Vũ Văn T có đơn đề nghị giám định thương tích và đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người gây thương tích cho bị cáo. Ngày 14/02/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bim Sơn ra Quyết định trình cầu giám định số 206/CSĐT để giám định tổn hại phần trăm sức khỏe cho Vũ Văn T. Tại Bản kết luận giám định pháp y số 100/2020/TTPY ngày 12/6/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tại thời điểm giám định pháp về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Vũ Văn T được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể(Điều 4 – Thông tư số 20/2014/TT/BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế) là 02%(Hai phần trăm). Thương tích của Tuấn không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với K, V1, C.

Vật chứng của vụ án: 01(Một) con dao dạng gấp, màu đen, cán dao dài 12cm, bản rộng 2,5cm.

Tại bản cáo trạng số 28/CT - VKS - BS ngày 27/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Sơn truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội: “ *Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Sơn đề nghị xét xử đối với bị cáo:

- Căn cứ pháp luật: Điểm a khoản 2 Điều 136; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- Hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo: Từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong phần bồi thường thiệt hại, nên đề nghị miễn xét.
- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01(Một) con dao dạng gấp, màu đen, cán dao dài 12cm, bản rộng 2,5cm.
- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án, Hội đồng xét xử có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa để tranh tụng nên không ảnh hưởng đến hoạt động xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bim Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Vũ Văn T thừa nhận hành vi: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 21/12/2019, tại đường Lê Lợi thuộc khu phố 4, phường L1, thị xã Bim Sơn, Vũ Văn T bị Trần An K, Trần Thanh V1 và Trần Vĩnh C ôm, giằng co, dùng ghế đập vào đầu, dùng tay chân đâm đá vào người T, nên T đã dùng dao nhọn chống trả, gây thương tích cho Trần Thanh V1 bị tổn hại 32% sức khỏe, Trần An K bị tổn hại 33% sức khỏe.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố nh- bản cáo trạng, bị cáo nhận tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo đã gây thương tích cho Trần An K bị tổn hại 33% sức khỏe, Trần Thanh V1 bị tổn hại 32% sức khỏe, nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bim Sơn truy tố bị cáo về tội: Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Vũ Văn T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội: *“Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”*. Tội phạm và khung hình phạt đ- ợc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 136 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trước việc các bị hại là K, V1 đã cùng với C có hành vi ôm, giằng co, dùng tay, chân, ghế nhựa tấn công bị cáo, bị cáo vì bảo vệ lợi ích chính đáng của mình đã dùng dao chống trả lại, nhưng việc chống trả của bị cáo là quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại, gây tổn hại đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm minh mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Khi l- ợng hình cần áp dụng điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Với tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo Tuấn, do bị cáo Tuấn không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi c- trú ổn định; vì vậy xét không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với bị cáo, để cho bị cáo cải tạo tại địa phương d- ới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân sống có ý thức tuân theo pháp luật, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] *Về phần bồi th- ờng thiệt hại:* Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, bị hại không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Do thương tích của Vũ Văn T không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần An K, Trần Thanh V1, Trần Vĩnh C, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bim Sơn đã Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với K, V1, C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Đức T3, Đỗ Văn N đã có hành vi xô sát với Trần An K, Trần Vĩnh C, nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bim Sơn đã Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với T3 và N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] *Về vật chứng của vụ án:* 01(Một) con dao dạng gấp, màu đen, cán dao dài 12cm, bản rộng 2,5cm là tang vật của vụ án, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội: “*Cố ý gây thương tích do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*”.

□p dụng: Điểm a khoản 2 Điều 136; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 331, Điều 333, khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T 09(Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn T về nơi thường trú Ủy ban nhân dân xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án

có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01(Một) con dao dạng gấp, màu đen, cán dao dài 12cm, bản rộng 2,5cm.

(Hiện vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 30/TV-CCTHA ngày 29/5/2020).

Về án phí: Bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000đồng(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận(hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Nơi nhân:

- Bị cáo;
- Người bị hại ;
- VKS ND thị xã Bim Sơn;
- Chi cục THA DS thị xã Bim Sơn;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- L- u hồ sơ vụ án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc L

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại ;
- VKS ND thị xã Bim Sơn;
- Chi cục THA DS thị xã Bim Sơn;
- VKS ND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- L- u hồ sơ vụ án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lâm

N

Xét tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đều nhận thức được rằng, tính mạng sức khỏe của công dân là vốn quý, luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm minh. Chỉ vì thấy vợ đang ngồi ăn uống với người đàn ông khác nên bị cáo nghi ngờ vợ mình có tình ý với họ từ đó bị cáo nổi lòng ghen tuông và không kiềm chế được bản thân nên bị cáo chọn cách giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực, bị cáo dùng ly thủy tinh là loại hung khí nguy hiểm đánh vào vùng mặt bị hại làm vỡ ly đâm vào mặt bị hại gây thương tích cho bị hại hậu quả bị hại bị thương tích với tỷ lệ 34%, là thương tích rất nghiêm trọng.

Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng lâu dài đến cuộc sống người bị hại, gây khó khăn lâu dài cho bị hại sau này, mặt khác hành vi phạm tội còn gây cảm phần bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Xét về nhân 6

thân, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có 01 tiền sự năm 2011 bị cáo, bị Công an phường Vĩnh Quang xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy". Lẽ ra bị cáo phải biết tu sửa bản thân làm người tốt mới phải, trái lại bị cáo lại lao vào con đường phạm tội và phạm tội rất nghiêm trọng...Do vậy, đứng trước phiên tòa hôm nay, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã gây ra, HĐXX xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải bị xử lý nghiêm mới tương xứng với tính chất hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo giáo dục bị cáo cũng như răn đe phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này là cần thiết.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động làm thuê, tự nguyện bồi thường toàn bộ chi phí điều trị và các khoản chi phí hợp lý khác cho bị hại và tại phiên tòa bị cáo tác động tích cực gia đình bồi thường trước một khoản tiền điều trị cho bị hại...Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Điều 47 BLHS làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt dưới khung hình phạt cũng đủ nghiêm.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b và p khoản 1 Điều 46, Điều 47 BLHS làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án như Viện kiểm sát đã đề nghị như trên là phù hợp như nhận định của HĐXX.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại C yêu cầu T phải bồi thường các khoản chi phí gồm: - Tiền điều trị vết thương trong thời gian nằm viện là 30.921.000đ (Ba mươi triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng)

- Tiền mất thu trong thời gian điều trị và chưa lao động được trong thời gian 06 tháng = 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng);

- Tiền tổn thất tinh thần là: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Tổng cộng là **98.921.000đ** (Chín mươi tám triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng). 7

Đối với tiền chi phí thẩm mỹ, tại phiên tòa bị hại chưa cung cấp đầy đủ các chứng từ chữa trị cũng như sẽ còn tiếp tục điều trị thêm. Bị hại C yêu cầu HĐXX tách phần yêu cầu này thành vụ kiện dân sự khác khi có có yêu cầu. HĐXX xét thấy bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản nêu trên là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ nên cần buộc bị cáo phải bồi thường là cần thiết. Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho người bị hại. Khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng mà tại phiên tòa vợ bị cáo bồi thường trước cho bị hại. Vì vậy, bị cáo còn

phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho bị hại Cao Thành C số tiền 93.921.000 đồng (Chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng)

[8] * **Về xử lý vật chứng:** Vật chứng bị cáo dùng gây thương tích là ly thủy tinh bị vỡ, sau khi gây án nhân viên quan đã dọn dẹp vứt vào thùng rác Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xử lý.

[9] **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Căn cứ Điều 199 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Trong quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo Hoàng Hóp M đã bồi thường cho anh Nguyễn Thành P số tiền là 5.000.000đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Văn P số tiền là 5.000.000đồng; gia đình bị cáo Nguyễn Long T bồi thường cho anh Nguyễn Thành P số tiền là 5.000.000đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Văn P số tiền là 25.000.000đồng; chị Lưu Thị P nộp thay cho bị cáo Lê Văn S số tiền 2.000.000đồng để bồi thường cho anh Nguyễn Văn P.

[8.2] Như đã nhận định tại đoạn [3.2] thì các bị cáo Lê Văn S, Hoàng Hóp M và Nguyễn Long T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Thành P, tuy nhiên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Nguyễn Thành P có đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết.

[8.3] Tại phiên tòa, người bị hại Nguyễn Văn P yêu cầu các bị cáo Lê Văn S, Hoàng Hóp M, Nguyễn Long T phải liên đới bồi thường tổng số tiền là: 250.000.000đồng, bao gồm: Tiền viện phí là 40.213.694 đồng; Tiền thuê xe chuyển viện: 3.700.000đồng; Chi phí sinh hoạt trong thời gian điều trị: 25.000.000đồng; Tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị: 6.500.000đồng; Mất thu nhập trong thời gian phục hồi thương tích: 73.086.000đồng; Tiền mất thu nhập của người chăm sóc: 6.500.000đồng; Chi phí sinh hoạt tái khám: 5.000.000đồng; Thiệt hại về tổn thất tinh thần là 90.000.000đồng. Trong đó gia đình các bị cáo đã bồi thường số tiền là 32.000.000đồng, anh Phương đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền là: 218.000.000đồng. Xét các yêu cầu bồi thường của anh Nguyễn Văn P đưa ra là phù hợp với các quy định của pháp luật, tuy nhiên mức yêu cầu chưa hợp lý nên căn cứ Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số:

03/2006/NQ-HĐTP, ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để xem xét, cụ thể:

- Chi phí điều trị tại bệnh viện có hóa đơn: 39.853.694đồng
- Tiền thuê xe chuyển viện: 3.700.000đồng;

- Thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị: Thời gian điều trị là 31 ngày trong đó điều trị tại bệnh viện đa khoa huyện Đ 02 ngày (từ ngày 20 đến ngày 21/12/2017); tại bệnh viện Chợ Rẫy là 05 ngày (từ ngày 21 đến ngày 25/12/2017); điều trị tại bệnh viện đa khoa Bru Điện là 24 ngày (từ ngày 25/12/2017 đến ngày 17/01/2018). Do trước khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị hại có thu nhập thực tế nhưng không thể xác định được nên áp dụng mức thu nhập trung bình của người lao động cùng loại là lao động tự do với mức lương 11

thu nhập trung bình là 200.000 đồng/ngày và thu nhập thực tế của người chăm sóc trong thời gian người bị hại điều trị là 200.000đồng/ngày. Như vậy phần thu nhập thực tế của anh Nguyễn Văn P bị mất trong thời gian điều trị tại bệnh viện là: 6.200.000đồng (31 ngày x 200.000đồng/ngày); phần thu nhập thực tế của người chăm sóc là 6.200.000đồng;

- Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: Tỷ lệ thương tích của anh Nguyễn Văn P theo kết luận giám định là: 52%, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho anh Nguyễn Văn P bằng 26 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm yêu cầu là: 33.800.000đồng (26tháng x 1.300.000đồng).

- Đối với yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất trong thời gian phục hồi thương tích: Theo kết luận giám định anh Nguyễn Văn P bị thương tích với tỷ lệ 52%, tạm thời 06 tháng do đó cần chấp nhận khoản tiền bồi dưỡng sức khỏe sau chấn thương là: 36.000.000đồng (200.000đồng/ngày x 6 tháng).

- Đối với chi phí tái khám, mặc dù anh P không có hóa đơn chứng từ chứng minh nhưng xét thấy đối với thương tích của anh P thì việc đi tái khám là cần thiết vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận chi phí tái khám là 3.000.000đồng.

Tổng số tiền anh P được chấp nhận là: 128.753.000đồng.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 590, Điều 594 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

2.1. Buộc bị cáo Lê Văn S phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Văn P số tiền là: 71.753.000đ (*bảy một triệu bảy trăm năm ba nghìn đồng*)

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

3.1. Tịch thu, tiêu hủy 01 kiếm, 04 dao rựa, 01 mảnh kim loại, 01 bao xác rắn, 01 áo khoác, 01 áo thun và 01 quần Jean; 02 đôi dép của anh Nguyễn Văn P và bị cáo Nguyễn Long T;

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

4.1. Buộc bị cáo Lê Văn S phải nộp 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 3.587.650đ (*Ba triệu năm trăm tám bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Tại phiên tòa bị cáo Vì Anh Đức thừa nhận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/02/2017 Vì Anh Đức - sinh năm 1983 đã thực hiện hành vi dùng tay sờ mó, xoa vào bộ phận sinh dục (âm hộ) của cháu Phạm Thị Thanh Tâm, sinh ngày 09/5/2010, tại gia đình Vì Anh Đức ở thôn Kiên Minh, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc. Trong vụ án này, bị cáo chỉ dùng tay sờ mó bộ phận sinh dục của người bị hại nhằm thỏa mãn dục vọng của mình, chứ không có mục đích giao cấu với người bị hại.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố nh- bản cáo trạng, bị cáo nhận tội và không tranh luận gì với đại diện VKS. Lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ TNHS vì bị cáo rất hối hận, nhận thức rõ đ- ợc những sai phạm của mình và hứa sẽ cải tạo tốt để trở thành công dân có ích.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì Anh Đức phạm tội: “*Dâm ô đối với trẻ em*”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 116 BLHS năm 1999.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm tới trật tự công cộng, nếp sống văn minh xã hội, trái với đạo đức truyền thống, thuần phong mỹ tục của dân tộc, làm ảnh hưởng xấu đến đời sống văn hoá, trật tự trị an, gây ra nhiều hậu quả khôn l- ờng, làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của trẻ em. Do vậy hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng cần phải xử lý nghiêm.

Tuy nhiên khi quyết định mức hình phạt cần xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại, bị cáo là ng- ời dân tộc M- ờng; có bố là ng- ời có công với cách mạng đ- ợc tặng th- ờng Huy ch- ơng kháng chiến hạng nhì vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba vì đã có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú và khai báo hành vi phạm tội của mình, người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên căn cứ các tình tiết quy định

tại điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Với tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo ch- a có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi c- trú ổn định; vì vậy xét không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 BLHS đối với bị cáo, để cho bị cáo cải tạo tại địa phương d- ới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa ph- ong nơi bị cáo c- trú cũng đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân sống có ý thức tuân theo pháp luật, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 03/02/2017 đến ngày 06/02/2017, căn cứ Nghị quyết 01/2013/NQ — HĐTP ngày 06/11/2013 của HĐTP TANDTC thì thời gian này không được trừ khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận thống nhất bồi thường toàn bộ thiệt hại, nên chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên.

Vật chứng: 01 chiếc quần của cháu Phạm Thị Thanh Tâm là vật chứng của vụ án, không còn giá trị, nên căn cứ Điều 41 BLHS năm 1999; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS năm 1999 để tịch thu tiêu hủy.

Về án phí HSST: Do bị cáo là cá nhân hộ nghèo, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo được miễn nộp tiền án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Vì Anh Đức phạm tội : “Dâm ô đối với trẻ em”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 116; điểm b,p,h khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 BLHS năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Vì Anh Đức 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vì Anh Đức cho UBND xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị cáo và gia đình người bị hại đã giải quyết xong phần bồi thường thiệt hại.

Vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999; khoản 1 điểm a, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS năm 1999.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần của cháu Phạm Thị Thanh Tâm.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/4/2017 và phiếu xuất kho số NK 010 ngày 18/4/2017).

Về án phí: áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đức.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
